

Đơn vị: Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng

Chương: 423

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
09 THÁNG NĂM 2026**

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính Phủ quy định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng năm 2026 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 09 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu dịch vụ khám chữa bệnh, phí, lệ phí	53.550	47.178	88	
1	Dịch vụ khám chữa bệnh	53.550	47.178	88	
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	53.550	25.750	48	
1	Chi sự nghiệp y tế	53.550	25.750	48	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	53.550	25.750	48	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	24.159,5	18.290,5	75,7	
I	Nguồn ngân sách trong nước	24.159,5	18.290,5	75,7	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				

2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.293,4	234,0	50,0	0,0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.293,4	234,0	50,0	0,0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số (thuê phần mềm CNTT theo QĐ 1213/QĐ-SYT)	468,0	234,0	50,0	
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số (Bản quyền phần mềm CNTT theo QĐ 1213/QĐ-SYT)	482,187	0,0	0,0	
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số (Chữ ký số theo QĐ 1938/QĐ-SYT)	343,220	0,0	0,0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	24.061,0	18.244,0	75,8	0,0
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (Theo Quyết định số 3006/QĐ-SYT ngày 29/12/2025)	15.164,0	10.161,0	67,0	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (Theo QĐ số 3176/QĐ-SYT ngày 30/12/2025)	8.897,0	8.083,0	163,2	0,0
	Kinh phí mua sắm TTB (Theo QĐ số 3176/QĐ-SYT ngày 30/12/2025)	8.028,0	8.028,0	100,0	
	Kinh phí khen thưởng theo NĐ 73 (Theo QĐ số 3176/QĐ-SYT ngày 30/12/2025)	782,0	0,0	0,0	
	Kinh phí sự nghiệp công (Theo QĐ số 3176/QĐ-SYT ngày 30/12/2025)	87,0	55,0	63,2	
5	Chi bảo đảm xã hội	98,5	46,5	47,2	0,0
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0,0	0,0	0,0	0
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	98,5	46,5	47,2	0,0
	Kinh phí tặng quà tết nguyên đán (Theo QĐ số 3176/QĐ-SYT ngày 30/12/2025)	46,5	46,5	100,0	
	Kinh phí đảm bảo xã hội (Theo QĐ số 3176/QĐ-SYT ngày 30/12/2025)	52,0	0,0	0,0	
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				

9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
	Dự án A				
	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
	Dự án A				
	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
	Dự án A				
	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
	Dự án A				
	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
	Dự án A				
	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
	Dự án A				
	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
	Dự án A				
	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
	Dự án A				
	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
	Dự án A				
	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
	Dự án A				
	Dự án B				

Ngày 05 tháng 10 năm 2026



PsPhạm Quang Dũng